TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 134/2022/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 28 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 236/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Huỳnh Văn C**, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Số 231A/8, đường Dương Bá Tr, Phường M, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Duy T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 13/13, Đường S, phường Q, Quận B, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 30/5/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T, số 009495, Quyển số 01), (có mặt).

Bị đơn: **Ông Nguyễn Đức Th**, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Số JJ14, đường Bạch M, Phường N, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Mỹ L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 9/6, Đường B, phường Đ, thành phố T, Thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số 8 N, phường B, Quận M, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 18/5/2018 tại Văn phòng công chứng Phạm Thùy Nhiên H, số 007003, Quyển số 05) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Minh T – Luật sư Công ty Luật TNHH Đại Việt L, Đoàn Luật sư Thành phố H (Địa chỉ: Lầu 46 Tòa nhà B, 02 Hải T, phường N, Quận M, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Dương Trung P, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 405, đường P, Phường B, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Mỹ L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 9/6, Đường B, phường Đ, thành phố T, Thành phố H (Giấy ủy quyền lập ngày 10/8/2018 tại Văn phòng công chứng T, số 009504, Quyển số 01), (có mặt);

2/ Bà Nguyễn Dương Linh G, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 659 N R Dr, B, CA 92821, HK.

3/ Ông Nguyễn Dương Đức Th, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4046 P PL, Y L, CA 92886, H.

4/ Ông Nguyễn Dương Tuấn A, sinh 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: 405 P, Phường B, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, ông Th và ông Tuấn A: Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số JJ14, đường B, Phường N, Quận M, Thành phố H (*theo Giấy ủy quyền ngày 20/01/2022 tại Văn phòng Công chứng Lê Kim Thanh, Thành phố H; Giấy ủy quyền ngày 29/10/2021, hợp pháp hóa lãnh sự số 248- 11 - HPHLS và Giấy ủy quyền ngày 29/10/2021, hợp pháp hóa lãnh sự số 249 - 11 - HPHLS cùng ngày 15/11/2021 của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S H*), (có mặt);

5/ Công ty TNHH Điện tử T.

Trụ sở: Số 1041/62/222 S, Khu phố 5, phường H, Quận B, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Trung Ph - Tổng Giám đốc, (có mặt).

6/ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Số 231A/8, đường Dương Bá Tr, Phường M, Quận T, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Huỳnh Văn C xác nhận ông không có quyền lợi gì đối với quyền sử dụng đất cũng như các tài sản trên đất tại các thửa đất sau đây: Số 279 (diện tích 1.609m^2), số 280 (diện tích 3.460m^2), số 281 (diện tích 1.329m^2), số 282 (diện tích 2.326m^2) và số 283 (diện tích 3.547m^2), Tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã T, huyện B (nay là phường T, Quận B), Thành phố H thuộc một phần trong tổng diện tích 33.903m^2 đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 387 QSDĐ/78 do Ủy ban nhân dân huyện B (cũ), Thành phố H cấp ngày 30/12/1995 cho ông Nguyễn Đức Th. Ông Huỳnh Văn C cam kết sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông sẽ không tranh chấp, khởi kiện hay khiếu nại gì đối với các thửa đất và tài sản trên đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông Nguyễn Đức Th.

2.2/ Ông Nguyễn Đức Th tự nguyện hỗ trợ cho ông Huỳnh Văn C số tiền 3.000.0000.000 (ba tỷ) đồng để kết thúc tranh chấp giữa hai bên đối với các thửa đất nêu tại mục [2.1]. Việc thực hiện như sau: Ngay sau khi các đương sự ký tên vào biên bản hòa giải thành, ông Huỳnh Văn C (có ông Trịnh Duy Th đại diện) và ông Nguyễn Đức Th sẽ cùng đến Ngân hàng C - Chi nhánh Thành phố H (địa chỉ số 79 N, phường B, Quận M) để cùng mở một tài khoản chung cùng đứng tên ông Trịnh Duy Th (đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Văn C) và ông Nguyễn

Đức Th; Ông Nguyễn Đức Th chuyển vào tài khoản đồng sở hữu này số tiền 3.000.0000.000 (ba tỷ) đồng.

Ngay sau khi Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (vào ngày 28/01/2022), ông Nguyễn Đức Th có nghĩa vụ đến Ngân hàng nói trên để giải ngân số tiền 3.000.0000.000 (ba tỷ) đồng cho ông Huỳnh Văn C (có ông Trịnh Duy Th đại diện); Số tiền 3.000.0000.000 (ba tỷ) đồng sẽ được chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông Trịnh Duy Th số: 0181003400505 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V- Chi nhánh Nam S. Nếu ông Nguyễn Đức Th không đến, thì ông Trịnh Duy Th (đại diện của ông Huỳnh Văn C) được quyền căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để nhận số tiền nêu trên.

2.3/ Chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo phiếu thu số 556 ngày 16/10/2018 của Tòa án; Chi phí đo vẽ tổng cộng là 22.720.940 (hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn chín trăm bốn mươi) đồng theo phiếu thu của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H. Ông Huỳnh Văn C tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

2.4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn C (sinh năm 1951) và ông Nguyễn Đức Th (sinh năm 1946) là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30//12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0044111 ngày 01/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Các bên đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Ánh